

Số: 960/QĐ-BTP

Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư

BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP

Căn cứ Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư số 20/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 39/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư; Nghị định số 137/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư;

Căn cứ Quyết định số 1423/QĐ-BTP ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ủy quyền cho Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;

Xét đề nghị của Cục Bộ trợ tư pháp tại Báo cáo số 151/BC-BTTP ngày 12 tháng 3 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư cho 12 cá nhân theo quy định tại Điều 17 của Luật Luật sư trên cơ sở đề nghị của Sở Tư pháp một số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Bộ trợ tư pháp, Giám đốc Sở Tư pháp và Ban chủ nhiệm Đoàn Luật sư một số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cá nhân có tên trong danh sách nêu tại Điều 1 có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng Mai Lương Khôi (để báo cáo);
- Liên đoàn Luật sư Việt Nam;
- Công Thông tin điện tử Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, Cục BTTP.

**TL. BỘ TRƯỞNG
CỤC TRƯỞNG CỤC BỘ TRỢ TƯ PHÁP**



Lê Xuân Hồng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH
CÁ NHÂN ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ

(kèm theo Quyết định số 960/QĐ-BTP ngày 14 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

TT	Sở Tư pháp tỉnh/thành phố	Họ và tên	Số CCHNLS	Nam	Nữ	Ngày tháng năm sinh			Địa chỉ thường trú	Thông tin hồ sơ
I. TRƯỜNG HỢP ĐẠT YÊU CẦU KIỂM TRA KẾT QUẢ TẬP SỰ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ										
1.	Huế	Huỳnh Thị Vân Anh	26034		x	13	5	1994	Xã Hòa Thành, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk	
2.	Quảng Ninh	Nguyễn Thị Bảo Linh	26035		x	07	5	1996	Phường Hà Tu, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	
3.	Quảng Ninh	Phạm Hồng Nhưng	26036		x	01	11	1989	Phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	
4.	Bắc Giang	Giáp Thị Thùy Dung	26037		x	23	8	1993	Xã Việt Lập, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang	
5.	Bến Tre	Lê Thị Trúc Phương	26038		x	24	4	1992	Phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	
6.	Nghệ An	Trần Công Ninh	26039	x		13	7	1996	Phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	
7.	Quảng Ngãi	Phạm Quốc Bảo	26040	x		24	6	1973	Phường Nghĩa Chánh, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	
8.	Đà Nẵng	Nguyễn Phương Thoa	26041		x	01	10	1997	Phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	
9.	Đà Nẵng	Nguyễn Thị Huyền	26042		x	28	12	1989	Phường Hòa Hiệp Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng	
10.	Thanh Hóa	Đào Thị Bích	26043		x	11	6	1997	Xã Xuân Thiên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	

TT	Sở Tư pháp tỉnh/thành phố	Họ và tên	Số CCHNLS	Nam	Nữ	Ngày tháng năm sinh			Địa chỉ thường trú	Thông tin hồ sơ
II. TRƯỜNG HỢP ĐƯỢC MIỄN ĐÀO TẠO VÀ TẬP SỰ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ										
11.	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Đình Chiến	26044	x		10	01	1968	Phường 6, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh	Đã là điều tra viên trung cấp
12.	Bình Dương	Nguyễn Thị Ngọc Mai	26045		x	15	12	1991	Phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương	Đã là thẩm phán